TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST Ngày 25-6-2019 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khắc Quyết

Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2019/TLST-HNGĐ ngày 27-3-2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24-5-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12-6-2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị N, nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng, nơi sinh sống: Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu T, nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố Đ, phường H, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, nơi sinh sống: Tổ dân phố Ngô Q, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 25-3-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Đức, huyện Kiến Thụy, (nay là phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn), thành phố Hải Phòng ngày 11-10-

2004. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với bố mẹ anh T tại Đức Hậu, Hợp Đức. Đến tháng 02-2006 anh chị chuyển về sinh sống tại Ngô Quyền, Minh Đức, cho đến nay. Chị và anh T sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm, đánh chửi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong phát triển kinh tế gia đình, anh T không tin tưởng chị về tình cảm, cùng với việc anh T hay chơi bời, bài bạc, nợ nần, sống không có trách nhiệm với vợ con dẫn đến tình cảm vợ chồng dần lạnh nhạt. Gia đình hai bên cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Từ đầu năm 2019 đến nay, anh chị đã sống ly thân, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Nay, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Hữu D, sinh ngày 16-01-2006 và Nguyễn Thành H, sinh ngày 22-8-2011. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày: Anh thống nhất ý kiến như chị N về thời gian kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 04-2018 thì xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, vợ chồng có lời lẽ xúc phạm nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là từ khi chị N đi xuất khẩu lao động về vợ chồng không quan tâm đến nhau, không chia sẻ với nhau về kinh tế gia đình; ngoài ra thỉnh thoảng anh có chơi bời, cờ bạc mặc dù không ảnh hưởng đến kinh tế gia đình nhưng chị N không thông cảm nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã, xô xát, bất hòa. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Nay, chị N có đơn ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Trường hợp chị N kiên quyết ly hôn, anh cũng đồng ý. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Hữu D và Nguyễn Thành H, ly hôn hai con chung có nguyện vọng ở với anh hay chị N là quyền của các con, anh tôn trọng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án đã thu thập chứng cứ đối với gia đình, chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T, thể hiện: Do chị N, anh T có mâu thuẫn nên từ năm 2018 đến nay, anh chị đã sống ly thân, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, mất niềm tin yêu đối với nhau; anh T ham chơi, đua đòi theo bạn bè, chị N không khéo léo, không khuyên bảo được anh T nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa, đánh cãi nhau. Gia đình và chính quyền địa phương đều xác nhận vợ chồng anh chị có hai con chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, không có mặt theo các quyết định của Tòa án.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Về hôn nhân, mâu thuẫn giữa chị N và anh T rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N được ly hôn anh T; về con chung, giao 02 con chung là Nguyễn Hữu D và Nguyễn Thành H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung.

Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là chị Lê Thị N nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Hữu T tại Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn. Bị đơn là anh T có nơi cư trú tại: Phường Minh Đức, quận Đồ Sơn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về viêc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt nhưng đã vắng mặt tại phiên tòa ngày 12-6-2019, anh T đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh T.

Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị N và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Đức, huyện Kiến Thụy (nay là phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn) ngày 11-10-2004 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Chị N và anh T thống nhất trình bày phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong phát triển kinh tế gia đình, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, nên từ năm 2018 đến nay, anh chị đã sống ly thân, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Nguyên nhân mâu thuẫn, chị N trình bày do anh T thường xuyên chơi bời, cờ bạc, không có sự tôn trọng đối với chị, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, vợ con; anh T trình bày từ khi chị N đi xuất khẩu lao động về vợ chồng không quan tâm đến nhau, không chia sẻ với nhau về kinh tế gia đình, ngoài ra thỉnh thoảng anh có chơi bời, cờ bạc mặc dù không ảnh hưởng đến kinh tế gia đình nhưng chị N không thông cảm nên vợ chồng hay xẩy ra cãi vã, xô xát, bất hòa. Anh T cũng thừa nhận quan hệ hôn nhân của anh chị trên thực tế đã không còn tồn tại, trường hợp chị N kiên quyết ly hôn anh cũng đồng ý.

[5] Xét thấy, chị N và anh T đã không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; không chung sống với nhau; không tôn trọng và giữ gìn danh dự cho nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được cần căn cứ theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[6] Về con chung: Chị N và anh T có hai con chung là Nguyễn Hữu D, sinh ngày 16-01-2006 và Nguyễn Thành H, sinh ngày 22-8-2011. Chị N đề nghị giao hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, anh T đề nghị hai con chung có nguyện vọng ở với anh hay chị N là quyền của các con, anh tôn trọng; anh chị đều không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử, xét: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung hai bên cha mẹ đều có tình cảm, quyền và trách nhiệm như nhau. Tuy nhiên, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt của các con, cũng như nguyện vọng của hai con chung khi ly hôn nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao hai con chung Nguyễn Hữu D và Nguyễn Thành H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hai bên đương sự tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị N và anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị N được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung:

2.1. Giao hai con chung là Nguyễn Hữu D, sinh ngày 16-01-2006 và Nguyễn Thành H, sinh ngày 22-8-2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hoặc cho đến khi chị N và anh T có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số 0006958 ngày 27-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N và anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khắc Quyết **Nguyễn Thị Loan** **Nguyễn Thanh Tùng**

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Đương sự;
- UBND phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Đương sự;
- UBND phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng

Tại phiên tòa, chị Nhung khai phù hợp như nội dung nêu trên và giữ nguyên quan điểm đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trung vì tình cảm chị dành cho anh đã hết, sống chung chỉ làm khổ nhau; chị đề nghị Tòa án giao hai con chung là Nguyễn Hữu Dũng và Nguyễn Thành Hiếu cho chị trực tiếp nuôi, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung. Anh Trung vắng mặt, không có lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh Trung và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.